TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẤT ĐỎ** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/DS-ST
Ngày: 09-9-2020
V/v tranh chấp đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà Châu Nguyễn Xuân Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hà

Ông Nguyễn Văn Hùng

-Thư ký phiên toà: Bà Trương Thị Hoàn -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tùng Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 09-9-2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 49/2020/TLST-DS ngày 20/5/2020 về tranh chấp "*Tranh chấp đòi lại tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐXXST-DS ngày 10/8/2020 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Th, sinh năm 1976; địa chỉ: khu phố L, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh B (Có mặt)

2.*Bị đơn:* Bà Lê Thị Hoàng O, sinh năm 1993; địa chỉ: khu phố L, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh B (Có mặt)

3.*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Lâm Thị H, sinh năm 1972; địa chỉ: khu phố L, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh B (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải có sở, bản khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và diễn biến tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Bà Lâm Thị H có tham gia chơi 02 dây hụi do bà Trần Thị Th làm chủ, cụ thể như sau:

-Dây hụi mở ngày 01/9/2019 (âm lịch), gồm 15 phần, mỗi phần hụi là 3.000.000 đồng, cứ 01 tháng khui 01 lần, ai bỏ lãi cao nhất thì được hốt trước. Dây hụi này bà H tham gia chơi 01 phần.

Loại hụi đầu thảo: Tức chủ hụi có nghĩa vụ thu tiền của các hội viên giao cho hội viên bỏ lãi cao nhất được hốt trước, chủ hụi có quyền lợi là được hội viên được hốt hụi trả cho 500.000 đồng.

Bà H đóng được 02 tháng là 6.000.000 đồng, đến tháng thứ 3 thì bà H hốt hụi do bỏ lãi suất cao nhất (320.000 đồng). Bà Th thu tiền của các hội viên và giao cho bà H số tiền 37.660.000 đồng (gồm 12 phần hụi sống x số tiền 2.680.000 đồng x 02 phần hụi chết x số tiền 3.000.000 đồng) – 500.000 đồng cho chủ hụi)

-Dây hụi mở ngày 15/12/2019 (âm lịch), gồm 14 phần, mỗi phần 3.000.000 đồng, cứ 01 tháng khui 01 lần, ai bỏ lãi cao nhất thì được hốt trước. Dây hụi này bà H tham gia chơi 02 phần.

Loại hụi đầu thảo: Tức chủ hụi có nghĩa vụ thu tiền của các hội viên giao cho hội viên bỏ lãi cao nhất được hốt trước, chủ hụi có quyền lợi là được hội viên được hốt hụi trả cho 500.000 đồng.

Bà H đóng được 01 tháng là 6.000.000 đồng, đến tháng thứ 2 thì bà H bỏ lãi suất cao nhất (320.000 đồng nên được hốt).

Ngày 14 tháng giêng năm 2020 bà Th thu tiền của các hội viên một nửa và ứng tiền nhà ra giao cho bà H số tiền 31.980.000 đồng (gồm 11 phần hụi sống x số tiền 2.680.000 đồng x 01 phần hụi chết x số tiền 3.000.000 đồng) – 500.000 đồng cho chủ hụi).

Khi bà Th giao tiền hụi, bà H có ủy quyền cho con gái bà H là Lê Thị Hoàng O nhận dùm; bà Th đồng ý việc bà H ủy quyền cho bà O nhận tiền và bà Th đã giao số tiền hụi 31.980.000 đồng cho bà O; tuy nhiên bà H không thừa nhận đã nhận số tiền hụi như con gái bà H thừa nhận.

Việc bà H không thừa nhận đã hốt 01 phần hụi vào ngày 14 tháng giêng năm 2020 làm bà Th mất uy tín với các hội viên khác và dây hụi này hiện nay đang phải tạm ngưng để chờ phân xử của Tòa án.

Nay do bà H không thừa nhận đã nhận số tiền hụi do con gái bà nhận dùm nên bà Thanh yêu cầu Tòa án buộc bà O trả lại cho bà Th số tiền 31.980.000 đồng để bà Th giao lại cho bà H.

-Bị đơn bà Lê Thị Hoàng O trình bày: Tại bản khai và biên bản hòa giải ngày 28/5/2020, bà O có được bà H nhờ nhận dùm số tiền hụi từ bà Th là 31.980.000 đồng, bà Th cũng đồng ý để bà O nhận tiền thay cho bà H, ngày

nhận bà O không nhớ, sau khi nhận bà O đã bàn giao lại số tiền hụi nêu trên cho bà H; tuy nhiên khi nhận cũng như khi giao không lập thành văn bản. Việc bà Th và bà H chơi hụi với nhau như thế nào bà O không biết. Tại phiên tòa, bà O thừa nhận có được bà H ủy quyền nhận dùm tiền cho bà H, bà O không nhớ rõ nhận ngày nào, chỉ nhớ là nhận vào tháng 11/2019 chứ không phải nhận vào ngày 14/1/2020 như bà Th trình bày, số tiền nhận bao nhiêu thì bà O không nhớ, chỉ nhớ là đã nhận đủ số tiền theo như bà Th đưa tại thời điểm nhận tiền. Bà O không đồng ý trả lại cho bà Th số tiền 31.980.000 đồng vì bà O đã giao đủ số tiền cho bà H.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị H trình bày: Bà có tham gia các dây hụi với ngày mở hụi, số tiền phải đóng của từng dây hụi như bà Th trình bày. Các dây hụi khác bà đã hốt và đã ký vào sổ của bà Th; Dây hụi ngày 15/12/2019 (Âm lịch) bà H đã đóng cho bà Th số tiền 15.400.000 đồng nhưng chưa hốt hụi, vì nếu hốt và nhận tiền thì bà H có nghĩa vụ ký nhận vào sổ của bà Th.

Bà H có nhờ bà O nhận tiền từ bà Th, bà H đã được bà O đưa cho bà 01 lần tiền, nhưng là của dây hụi thứ nhất mở ngày 30/8/2019 của dây hụi ngày 01/9/2019 (Âm lịch), số tiền 3.000.000 đồng/phần, số tiền bà O đưa cho bà H là bao nhiêu thì bà H không nhớ, nhớ là hơn ba mươi bảy triệu, không phải tiền hụi của dây hụi ngày 15/12/2019 (Âm lich), số tiền hơn ba mươi bảy triệu này bà H nhận vào tháng 11/2019 (Âm lịch).

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Việc Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thụ lý vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án này đúng theo những quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Căn cứ Điều 139, khoản 2 Điều 567 Bộ luật dân sự thì việc giao dịch phù hợp với phạm vi ủy quyền sẽ làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của người được đại diện, tức là bà H, do đó bà H là người phải có quyền và nghĩa vụ với bà Th, không phải bà O, việc bà Th cho rằng giao cho bà O số tiền 31.980.000 đồng có chênh lệch so với tiền bà H thừa nhận là hơn 37 triệu đồng là phát sinh tranh chấp giữa người giao dịch và người ủy quyền là bà H không phải bà O, do đó bà Th yêu cầu bà O phải trả lại số tiền 31.980.000 đ là không

có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà Th buộc bà O phải trả số tiền 31.980.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1].*Về tố tụng:*

[1.1].*Về thẩm quyền giải quyết:* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời thừa nhận của bị đơn, bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị trấn P, huyện Đ, căn cứ điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS) vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ.

[1.2].*Về thời hiệu khởi kiện*: Theo quy định tại Điều 155 Bộ Luật dân sự (viết tắt BLDS) xác định các trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện bao gồm "Yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu…" do đó bà Thanh khởi yêu cầu bà O trả lại tài sản là tiền cho mình không bị giới hạn bởi thời hiệu khởi kiện.

[1.3].*Về quan hệ pháp luật*: Xuất phát từ giao dịch góp hụi với nhau nên khi thụ lý Tòa án xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"; tuy nhiên bà O không tham gia góp hụi với với bà Th và bà H mà chỉ là người nhận tiền dùm từ bà Th giao lại cho bà H nên qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lời thừa nhận của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án; căn cứ khoản 2 Điều 26 BLTTDS, HĐXX xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là "Tranh chấp đòi lại tài sản".

[1.4].*Về người tham gia tố tụng:*

Theo đơn khởi kiện khi bà Th giao tiền hụi, bà H nói con gái bà H là Lê Thị Hoàng O nhận dùm, khi giao không lập thành văn bản nhưng có bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1980; địa chỉ: khu phố H, thị trấn P, huyện Đất Đỏ chứng kiến. Tuy nhiên quá trình hòa giải tại địa phương, cũng như quá trình giải quyết tại Tòa án, tại biên bản lấy lời khai của bà Th ngày 05/6/2020 và tại phiên tòa, bà Th khai là không có người chứng kiến, do đó căn cứ Điều 92 BLTTDS Tòa án không triệu tập bà H tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định.

[1.5].*Về áp dụng pháp luật:* Bà O nhận tiền hụi từ bà Th để giao lại cho bà H là thời điểm Bộ luật Dân sự (viết tắt là BLDS) 2015 nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 688 và các quy định khác của BLDS 2015 để giải quyết vụ án.

[2].*Về nội dung:*

[2.1].*Về yêu cầu khởi kiện:* Tại phiên tòa bà Th yêu cầu Tòa án buộc bà O phải trả lại cho bà số tiền 31.980.000 đồng.

Qua lời khai của các bên thể hiện bà Th là chủ hụi, bà H có chơi 03 dây hụi, trong đó có 01 dây hụi bà H được hốt nhưng khi nhận tiền bà H nhờ bà O nhận dùm, bà Th cũng biết và đồng ý với việc bà O nhận dùm tiền cho bà H nên bà Th đã giao tiền cho bà O nhận thay, sau đó bà O giao cho bà H đủ phần tiền hụi mà bà Th đã giao. Bà O thừa nhận đã nhận số tiền từ bà Th giao, bà O đã đếm đủ tiền tại thời điểm bà Th giao, bà O nhận vào tháng 11/2019 chứ không phải nhận vào ngày 14/01/2020 như bà Th trình bày, bà O đã giao số tiền trên cho bà H, bà H thừa nhận đã nhận tiền do O giao lại khoảng hơn 37 triệu và không phải tiền của dây hụi ngày 15/12/2019, bà H nhận tiền từ bà O giao lại vào tháng 11/2019. Khi nhận tiền bà H nhờ bà O nhận dùm, bà Th cũng biết và đồng ý với việc bà O nhận dùm tiền cho bà H nên bà Th đã giao tiền cho bà O nhận thay, sau đó bà O giao cho bà H đủ phần tiền hụi mà bà Th đã giao. Như vậy bà H đã thỏa thuận với bà O ủy quyền cho bà O nhận tiền hụi từ bà Th không có thù lao, đây là hợp đồng ủy quyền theo Điều 135, 138, 562 Bộ luật dân sự, bà Th cũng biết việc ủy quyền và chấp nhận giao tiền cho bà O. Bà O nhận tiền và đã giao tiền lại cho bà H số tiền nhận từ bà Th đồng nghĩa với việc bà O đã thực hiện xong, đúng phạm vi, nghĩa vụ của người được ủy quyền theo quy định tại Điều 141, Điều 565 Bộ luật dân sự. Căn cứ Điều 139, khoản 2 Điều 567 Bộ luật dân sự thì việc giao dịch phù hợp với phạm vi ủy quyền sẽ làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của người được đại diện, tức là bà H, do đó bà H là người phải có quyền và nghĩa vụ với bà Th, không phải bà O, việc bà Th cho rằng ngày 14/01/2020 (Âm lịch) có giao cho bà O số tiền 31.980.000 đồng có chênh lệch so với tiền bà H thừa nhận là hơn 37 triệu đồng, bà H thừa nhận nhận tiền vào tháng 11/2019(Âm lịch) là phát sinh tranh chấp giữa người giao dịch và người ủy quyền là bà H chứ không phải bà O. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Th buộc bà O phải trả số tiền 31.980.000đ.

[2.2].*Về tài liệu, chứng cứ:* Hội đồng xét xử xác định những tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp, lời thừa nhận của các bên đương sự và tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được để xem xét, giải quyết có trong hồ sơ vụ án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với quy định tại các Điều 92, 93, 94, 95, 96 BLTTDS là chứng cứ của vụ án.

[3].*Về phát biểu của Kiểm sát viên:* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên ghi nhận.

[4].*Về án phí dân sự sơ thẩm:* Theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận. Do đó, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.599.000 đồng (31.980.000 đồng x 5%).

Bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

[5]. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo Điều 217 và Điều 273 BLTTDS.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 155, 135, 138, 139, 562, 567, 688 Bộ luật Dân sự;
- Khoản 2 Điều 26, Điều 35, Điều 39, các Điều 92, 93, 94, 95, 96, 144, 266, 271, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự;
- Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Th đối với bà Lê Thị Hoàng O về việc bà Th yêu cầu bà O phải trả lại 31.980.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Th phải chịu 1.599.000đ (Một triệu năm trăm chín mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Thanh đã nộp là 799.000đ (Bảy trăm chín mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004235 ngày 14/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Bà Th còn phải nộp thêm số tiền là 800.000 đồng (Tám trăm ngàn đồng).

Bà Lê Thị Hoàng O không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng cáo, kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/9/2020).

4. Về thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh BR-VT;
-VKSND tỉnh BR-VT;
-VKSND huyện Đất Đỏ;
-Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Nguyễn Xuân Thu